TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-PT
Ngày: 19/01/2021
V/v Đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

*Các Thẩm phán:*1. Bà Vũ Thị Thu Hương

2. Bà Huỳnh Thị Như Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 12, 19/01/2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 579/2020/TLPT-DS ngày 19/11/2020, về việc "Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 407/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6341/2020/QĐ-PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: B.1805 Tầng 18, Chung cư TH, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1987

Địa chỉ: 137/1 NQA, phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Đình T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: 309A Chung cư XCi, đường NT, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

2.2. Ông Bùi Ngọc H1, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: 61C Liên khu N, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Hồng V, Công ty Luật LVT Lawyers, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1965

Địa chỉ: 28C NT, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: 281A LLQ, Phường M, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Đặng Minh T1, sinh năm 1995

Địa chỉ: 28C NT, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ cho ông T1:

3.2.1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1965

Địa chỉ: 28C NT, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: 281A LLQ, Phường M, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.2. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: B.1805 Tầng 18, Chung cư TH, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Đặng Thị Mỹ L1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 129 LTH, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 1171/16C NX, phường LB, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo*: Bà Đặng Thị Mỹ H và bà Phạm Thị L.

5. *Người Kháng nghị*: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/7/2018 và đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung nội dung khởi kiện ngày 26/8/2019, các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Đặng Văn Đ trình bày:

Ông và bà Phạm Thị L chung sống với nhau có 03 người con chung là Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1987, Đặng Thị Mỹ L1, sinh năm 1992 và Đặng Minh T1, sinh năm 1995. Trong thời gian chung sống, ông và bà L thống nhất tặng cho bất động sản căn nhà 98 TN, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đặng Minh T1 là người con trai của ông và bà L.

Trong thời gian chung sống, ông và bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn nên ông và bà L quyết định ly hôn theo quy định của pháp luật. Cũng trong thời gian này, ông T1 đột bệnh dẫn tới tình trạng không còn khả năng nhận thức, gia đình đã chạy chữa rất nhiều nhưng không có dấu hiệu thuyên giảm. Vì vậy, ông và bà L có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố ông T1 mất năng lực hành vi dân sự. Đến ngày 17/5/2016, ông T1 bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 100/2016/QĐST-VDS. Do đó, ông và bà L là những người giám hộ đương nhiên theo quy định của pháp luật.

Do tin tưởng bà Đặng Thị Mỹ H nên ông và bà L lập văn bản thỏa thuận, thống nhất đồng ý cử người giám sát việc giám hộ bà Đặng Thị Mỹ H và giao toàn bộ tiền bán nhà số 98 TN, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể, trong bản thỏa thuận ông và bà L thống nhất thỏa thuận bán căn nhà 98 TN, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh của ông T1. Trích 50% giá trị nhà để mua căn nhà khác nhỏ hơn và thuộc quyền sở hữu của ông T1 (còn việc đứng tên chủ sở hữu căn nhà thực hiện theo quy định của pháp luật) để ông T1 và bà L ở ổn định cuộc sống và 50% giá trị nhà bán còn lại để chi phí cho việc ăn uống, sinh hoạt, chữa bệnh, thuê người chăm sóc cho ông T1 và gửi tiết kiệm, sổ tiết kiệm do bà Đặng Thị Mỹ H đứng tên, hàng tháng bà H có trách nhiệm rút tiền lãi đưa cho bà L thực hiện việc nuôi dưỡng ông T1. Bà L là người trực tiếp nuôi, chăm sóc, chữa bệnh cho ông T1. Toàn bộ chi phí cho việc ăn uống, sinh hoạt, chăm sóc, chữa bệnh cho ông T1 lấy từ tài sản của ông T1 được tính bình quân là tiền sinh hoạt 5.000.000 đồng/tháng, tiền thuê người chăm sóc 4.000.000 đồng/tháng, tiền chi phí thuốc men, khám bệnh và tiền thuốc theo phiếu chi và các chi phí khác nếu có. Ông, bà L và bà H được toàn quyền thực hiện các việc quản lý, định đoạt tài sản của ông T1 và hoàn lại những chi phí cho bà L do bà L đã bỏ ra để nuôi ông T1 từ tháng 5/2015 đến nay.

Ngày 21/5/2018, với tư cách người giám hộ và người giám sát giám hộ, ông, bà L và bà H đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 98 TN, phường TT, quận TP,

Thành phố Hồ Chí Minh của ông T1 cho ông Nguyễn Hoàng T2 và bà Trịnh Ngọc Linh S với giá 3.400.000.000 đồng. Giá thực tế là 8.900.000.000 đồng.

Số tiền 8.900.000.000 đồng sau đó đã dùng chi các khoản như sau: chi môi giới bán nhà 90.000.000 đồng, chi trả cho bà L số tiền bà L đã ứng ra nuôi dưỡng, thuốc men trị bệnh cho ông T1 đến khi bán nhà là 450.000.000 đồng. Số tiền còn lại sau khi bán nhà là 8.360.000.000 đồng.

Ngoài số tiền bán nhà còn lại là 8.360.000.000 đồng thì ông T1 còn có số tiền 150.000.000 đồng từ việc thanh lý đất nền mua của Công ty TNHH Đầu tư Phúc Khang Sen Việt L.A. Số tiền này sau khi thanh lý hợp đồng do bà L nhận về và giao cho bà H. Như vậy, tổng số tiền của ông T1 là 8.510.000.000 đồng.

Từ khi bán nhà đến nay, toàn bộ số tiền 8.510.000.000 đồng đều do bà H chiếm giữ. Bà H không có bất kỳ thông báo nào cho ông và bà L được biết về việc mở sổ tiết kiệm theo như thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận về việc quản lý tài sản của người được giám hộ. Với tư cách là người giám sát giám hộ, việc bà H chiếm giữ toàn bộ tài sản nói trên của ông T1 là trái với biên bản thỏa thuận và lạm quyền của người giám hộ. Do đó, ông yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị Mỹ H giao lại số tiền 8.510.000.000 đồng cho ông Đặng Minh T1 thông qua hai người giám hộ là ông và bà L. Ông và bà L có trách nhiệm trực tiếp quản lý số tiền nói trên và sẽ mua một căn nhà khác đứng tên ông Đặng Minh T1, số tiền còn lại sau khi mua nhà sẽ gửi tiết kiệm.

Việc bà Đặng Thị Mỹ H đòi tiền bà Phạm Thị L thì ông không liên quan và không đồng ý việc bà L trả thay số tiền trên cho bà H, vì bà H vi phạm thỏa thuận giữa ba bên.

Bị đơn bà Đặng Thị Mỹ H ủy quyền cho ông Huỳnh Đình T đại diện trình bày:

Bà H xác nhận là ông Đặng Văn Đ, bà Phạm Thị L và bà Đặng Thị Mỹ H có ký biên bản thỏa thuận nêu trên và nội dung thỏa thuận như ông Đ trình bày. Tuy nhiên, sau khi nhận được số tiền bán nhà, trừ chi phí còn lại là 8.360.000.000 đồng bà H đã giao lại hết cho mẹ là bà Phạm Thị L. Hiện nay bà H không còn giữ tiền.

Bà Đặng Thị Mỹ H yêu cầu buộc bà Phạm Thị L trả lại cho bà H số tiền 8.360.000.000 đồng, để bà trả lại cho ông Đặng Minh T1 thông qua người giám hộ hoặc bà L trực tiếp trả cho ông T1 thông qua người giám hộ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày:

Bà và ông Đ ly hôn năm 2015. Do ông Đ chơi cá độ đá banh từ năm 2004, nên phải bán căn nhà 1541A Hồng Lạc để trả nợ. Cuối năm 2014, con trai là Đặng Minh T1 bị sốc nặng vì bán hết nhà nên bị trầm cảm.

Sau khi ly hôn, ông Đ lấy vợ khác và đã có con riêng nhưng ông Đ thường xuyên về nhà kiếm chuyện, làm bệnh tình của cháu T1 nặng thêm. Do phải tiếp tục điều trị bệnh cho Tuấn nên phải bán căn nhà 98 TN, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh của cháu T1. Toàn bộ số tiền bán nhà được trả nợ trước đây và chi tiêu nuôi dưỡng cháu T1. Hiện bà đang giữ số tiền 8.360.000.000 đồng do bà Đặng Thị Mỹ H đưa cho bà để bà trực tiếp nuôi con T1.

Sau khi bán căn nhà của cháu T1 thì ông Đ yêu cầu bà phải đưa tiền cho ông là 200.000.000 đồng, bà không đồng ý vì đây là tài sản để chăm sóc và trị bệnh cho Tuấn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì bà không đồng ý, vì ông Đ đã vu khống cho bà và con gái là bà Đặng Thị Mỹ H. Toàn bộ số tiền trên bà H đã giao hết cho bà và bà không đồng ý trả lại tiền vì bà muốn dùng tiền này để trực tiếp nuôi con. Ngoài ra, bà liệt kê đã chi phí hết 2.500.000.000 đồng để nuôi Tuấn.

Việc bà Đặng Thị Mỹ L1 làm người giám sát thì bà cũng đồng ý, vì không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T1.

Ngoài ra, bà yêu cầu độc lập: Truất bỏ tư cách giám hộ của ông Đặng Văn Đ đối với ông Đặng Minh T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Mỹ L1 trình bày:

Bà là con gái của ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị L. Bà đồng ý làm người giám sát việc giám hộ.

Tại bản án số 407/2020/DS-ST ngày 28/9/2020, Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Đ.

Đình chỉ yêu cầu đòi số tiền 330.000.000 đồng do ông Đặng Văn Đ rút yêu cầu đối với bà Đặng Thị Mỹ H.

Buộc bà Đặng Thị Mỹ H phải trả cho ông Đặng Minh T1 số tiền 8.180.000.000 đồng thông qua người giám hộ là ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị L. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Tuyên bố bà Đặng Thị Mỹ H và bà Đặng Thị Mỹ L1 là người giám sát người giám hộ cho ông Đặng Minh T1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Mỹ H.

Đình chỉ yêu cầu đòi số tiền 330.000.000 đồng do bà Đặng Thị Mỹ H rút yêu cầu đối với bà Phạm Thị L.

Buộc bà Phạm Thị L phải trả cho bà Đặng Thị Mỹ H số tiền 8.180.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Bác yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị L về việc hủy bỏ tư cách người giám hộ của ông Đặng Văn Đ đối với con ông Đặng Minh T1.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Trả cho ông Đặng Văn Đ số tiền 58.450.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011531 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Buộc bà Đặng Thị Mỹ H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 116.180.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.255.000 đồng theo biên lai số 0070866 ngày 14/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Buộc bà H phải nộp thêm 57.925.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0070812 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Buộc bà Phạm Thị L phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 116.180.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2020, bà Đặng Thị Mỹ H và bà Phạm Thị L nộp đơn kháng cáo.

Ngày 22/10/2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bà Đặng Thị Mỹ H ủy quyền cho ông Huỳnh Đình T và ông Bùi Ngọc H1 đại diện cho rằng: Tư

cách tham gia tố tụng của bà H trong vụ án này không phải là bị đơn. Việc bà H giao tiền của ông T1 cho bà L (là mẹ ruột) không đến mức vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận, vì từ trước đến nay bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông T1 nên bà H giao hết tiền của ông T1 cho bà L là để thuận tiện trong việc chi tiêu cho cuộc sống của ông T1.

Án sơ thẩm nhận định "việc bà L phải trả tiền lại cho bà H để bà H trả tiền lại cho ông T1 là phù hợp". Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án tuyên bà H phải trả cho ông T1 thông qua người giám hộ là ông Đ, bà L và bà L phải trả lại tiền cho bà H. Lẽ ra, bà L phải trả cho bà H số tiền 8.180.000.000 đồng để bà H trả số tiền này lại cho ông T1 thì mới hợp lý.

Khoản tiền ông Đ kiện đòi bà H và khoản tiền bà H kiện đòi bà L là một khoản tiền duy nhất và bà L thừa nhận đang giữ toàn bộ khoản tiền này, nên bà L trả tiền trực tiếp lại cho ông T1 mà không cần phải trả thông qua bà H, nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm. Bà H không phải trả lại cho ông T1 số tiền 8.180.000.000 đồng. Buộc bà L phải trả cho ông T1 số tiền 8.180.000.000 đồng và bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phạm Thị L ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H1 đại diện yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm. Truất quyền giám hộ của ông Đ. Từ đó, bà L là người giám hộ duy nhất nên bà L được quyền giữ lại toàn bộ khoản tiền 8.180.000.000 đồng để chăm lo cho cuộc sống của ông T1. Không đồng ý trả số tiền 8.180.000.000 đồng cho bà H. Đồng thời, xem xét lại tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Đặng Văn Đ yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của bà H và bà L. Đồng thời, yêu cầu không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Số tiền nguyên đơn yêu cầu bà H giao trả không phải là tài sản của nguyên đơn. Do đó, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Đòi tài

sản" là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp "Đòi tài sản cho người được giám hộ".

Ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thi Lợi là vợ chồng đã ly hôn và chung sống với nhau có 03 người con chung là bà Đặng Thị Mỹ H, bà Đặng Thị Mỹ L1 và ông Đặng Minh T1. Tòa án nhân dân quận Tân Phú ban hành Quyết định số 100/2016/QĐST-DS, tuyên bố ông T1 mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ Điều 53 Bộ luật dân sự thì ông Đ và bà L là người giám hộ đương nhiên, đã thực hiện đăng ký giám hộ ngày 23/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú. Cùng ngày 23/3/2018, bà H đăng ký giám sát giám hộ tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 Bộ luật dân sự quy định về giám sát việc giám hộ "... Trường hợp giám sát việc giám hộ liên quan đến quản lý tài sản của người được giám hộ thì người giám sát phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ...". Như vậy, cấp sơ thẩm cho rằng luật không quy định là không đúng và xem xét giải quyết là không đúng thẩm quyền. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc tuyên bố bà H và bà Linh là người giám sát giám hộ cho ông T1 và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông Đ.

Theo Văn bản thỏa thuận về việc quản lý tài sản của người được giám hộ giữa ông Đ, bà L và bà H thể hiện, tiền bán nhà sẽ sử dụng 50% để mua lại căn nhà khác cho ông T1 và bà L ở ổn định cuộc sống; 50% còn lại chi phí cho ông T1 gửi tiết kiệm do bà H đứng tên và lấy lãi hàng tháng đưa lại cho bà L. Ông Đ, bà L và bà H được toàn quyền thực hiện các việc liên quan đến quản lý, định đoạt tài sản của ông T1.

Theo điểm a khoản 4 Điều 51 Bộ luật dân sự quy định quyền và nghĩa vụ của người giám sát là "Theo dõi, kiểm tra người giám hộ trong việc thực hiện giám hộ". Ngoài ra, không có điều luật nào quy định người giám sát được quản lý hay định đoạt tài sản của người giám hộ. Do vậy, thỏa thuận giữa ông Đ, bà L và bà H là trái với quy định của pháp luật nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Đ tức là chấp nhận thỏa thuận trái với quy định của pháp luật. Thực tế thỏa thuận không đúng pháp luật này đã được khắc phục là bà H đã giao tiền lại cho bà L là người giám hộ của ông T1 và cũng là người trực tiếp chăm sóc ông T1, chỉ có thiếu sót là khi bà H giao trả tiền cho bà L thì không báo cho ông Đ biết.

Ông Đ căn cứ thỏa thuận giữa 03 người để cho rằng bà H đã không thực hiện đúng thỏa thuận chuyển giao tiền cho bà L mà không thông báo cho ông biết để khởi kiện đòi bà H là không có căn cứ.

Hiện nay, bà L đang giữ tiền. Án sơ thẩm buộc bà L phải giao tiền lại cho bà H để bà H giao lại cho ông T1 thông qua ông Đ và bà L chỉ là hình thức và không phù hợp. Trường hợp này chỉ buộc bà L có trách nhiệm cùng ông Đ quản lý tài sản của ông T1 là số tiền 8.180.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các đương sự không phải chịu án phí.

Bà H tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn nên yêu cầu của bà H phải xác định là yêu cầu phản tố. Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không đúng.

Như đã nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của bà H là có căn cứ.

Ông Đ là người giám hộ đương nhiên, không vi phạm điều kiện của người giám hộ. Do đó, bà L kháng cáo yêu cầu truất quyền giám hộ của ông Đ là không có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận kháng cáo của bà H; chấp nhận một phần kháng cáo của bà L về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Mỹ L1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Linh theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo Đơn khởi kiện ngày 09/7/2018 và đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung nội dung khởi kiện ngày 26/8/2019, nguyên đơn ông Đặng Văn Đ khởi kiện bị đơn bà Đặng Thị Mỹ H yêu cầu bà H phải trả lại cho ông Đặng Minh T1 (người được giám hộ) số tiền 8.510.000.000 đồng thông qua người giám hộ là ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị L. Như vậy, tài sản nguyên đơn ông Đ yêu cầu bị đơn bà H giao trả tiền không phải là tài sản của nguyên đơn ông Đ. Án sơ thẩm,

xác định quan hệ tranh chấp "Đòi tài sản" là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về xác định quan hệ tranh chấp và xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Đòi tài sản cho người được giám hộ".

[3] Theo Quyết định giải quyết tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự số 100/2016/QĐST-VDS ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Tuyên bố ông Đặng Minh T1, sinh năm 1995, thường trú tại 98 TN, phường TT, quận TP mất năng lực hành vi dân sự (bút lục số 46 – 47).

[4] Theo Trích lục đăng ký giám hộ số 01/TLGH ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú có nội dung: Người giám hộ ông Đặng Văn Đ và người được giám hộ ông Đặng Minh T1, nơi đăng ký giám hộ tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú (bút lục số 45).

[5] Theo Trích lục đăng ký giám hộ số 02/TLGH ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú có nội dung: Người giám hộ bà Phạm Thị L và người được giám hộ ông Đặng Minh T1, nơi đăng ký giám hộ tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú (bút lục số 183).

[6] Theo Trích lục đăng ký giám sát giám hộ số 02/TLGSGH ngày 23/3/2018 do Ủy ban nhân phường Tân Thành, quận Tân Phú thể hiện: Bà Đặng Thị Mỹ H là người giám sát giám hộ; bà Phạm Thị L người được giám sát giám hộ.

[7] Theo Văn bản thỏa thuận cử người giám hộ và người giám sát giám hộ (không ghi ngày tháng năm) giữa ông Đặng Văn Đ, bà Phạm Thị L và bà Đặng Thị Mỹ H có nội dung: Bà Đặng Thị Mỹ H được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người giám sát giám hộ quy định tại Điều 51 và Điều 59 Bộ luật dân sự và các quy định pháp luật khác. Bà Đặng Thị Mỹ H đã đồng ý. Văn bản này làm căn cứ pháp lý để các đương sự ông Đ, bà L và bà H thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến giám hộ, cử người giám hộ, giám sát giám hộ tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và cũng là chứng cứ pháp lý để Tòa án, cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết tranh chấp người giám hộ về sau (bút lục số 43).

[8] Theo Văn bản thỏa thuận về việc quản lý tài sản của người được giám hộ (không ghi ngày tháng năm) giữa ông Đặng Văn Đ, bà Phạm Thị L và bà Đặng Thị Mỹ H có nội dung: Tài sản của ông Đặng Minh T1 bao gồm: Số tiền 309.630.000 đồng từ việc mua nền nhà thuộc Dự án Làng Sen Việt Nam, đã

thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư Phúc Khang Sen Việt L.A và căn nhà số 98 TN, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ và bà L là cha mẹ ruột của ông T1 là người giám hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Bộ luật dân sự. Ông Đ và bà L sẽ liên hệ cơ quan chức năng thực hiện thủ tục pháp lý liên quan đến giám hộ. Ông Đ và bà L đồng ý cùng liên hệ với Công ty TNHH Đầu tư Phúc Khang Sen Việt L.A để giải quyết chấm dứt mua bán nền nhà thuộc Dự án Làng Sen và nhận lại số tiền đã thanh toán trên để giao cho ông T1. Ông Đ và bà L đồng ý bán căn nhà, bất động sản số 98 TN, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh của ông T1 và trích 50% giá trị nhà đất bán được để mua một căn nhà khác nhỏ hơn, căn nhà này vẫn thuộc quyền sở hữu của ông T1 (còn việc đứng tên chủ sở hữu căn nhà thực hiện theo quy định của pháp luật) để ông T1 và bà L ở ổn định cuộc sống và 50% giá trị nhà, đất bán được còn lại để chi phí cho việc ăn uống, sinh hoạt, chữa bệnh… thuê người chăm sóc cho ông T1 và gửi tiết kiệm, sổ tiết kiệm do bà H đứng tên, hàng tháng bà H có trách nhiệm rút tiền lãi và đưa cho bà L thực hiện việc nuôi dưỡng ông T1. Bà L là người trực tiếp nuôi, dạy, chăm sóc, chữa bệnh cho ông T1. Toàn bộ chi phí cho việc ăn uống, chữa bệnh…cho ông T1 lấy từ tài sản của ông T1 được tính bình quân như sau: Tiền ăn uống sinh hoạt phí là 5.000.000 đồng/tháng; tiền thuê người phụ giúp chăm sóc ông T1 là 4.000.000 đồng/tháng; tiền chi phí thuốc men theo phiếu cho khám bệnh và tiền thuốc và tiền các chi phí khác phát sinh nếu có. Ông Đ, bà L và bà H được toàn quyền thực hiện các việc liên quan đến quản lý, định đoạt tài sản của ông T1 và hoàn lại những chi phí cho bà L đã bỏ ra nuôi, chăm sóc, chữa bệnh cho ông T1 từ tháng 5/2015 cho đến nay (bút lục số 44).

[9] Án sơ thẩm, nhận định, luật hiện hành không có quy định về khái niệm người giám sát giám hộ của người mất năng lực hành vi dân sự và pháp luật cũng không có quy định cấm về việc nêu trên là không đúng, bởi vì theo Điều 51 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Giám sát việc giám hộ và các điều luật trong Mục 4 quy định Giám hộ, có liên quan đến người giám sát việc giám hộ.

[10] Tại biên bản hòa giải và đối chất ngày 16/7/2020, ông Đ xin rút lại yêu cầu hủy bỏ tư cách giám sát của bà H và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ xác nhận tại Tòa án cấp sơ thẩm ông rút lại yêu cầu hủy bỏ tư cách giám sát việc giám hộ của bà H.

[11] Án sơ thẩm, tuyên bố bà Đặng Thị Mỹ H và bà Đặng Thị Mỹ L1 là người giám sát người giám hộ cho ông Đặng Minh T1 là không đúng quy định

và không đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Giám sát việc giám hộ. Bởi vì, bà H hiện là người giám sát việc giám hộ theo Trích lục đăng ký giám sát giám hộ số 02/TLGSGH ngày 23/3/2018 do Ủy ban nhân phường Tân Thành, quận Tân Phú và tại biên bản hòa giải và đối chất ngày 16/7/2020, ông Đ xin rút lại yêu cầu hủy bỏ tư cách giám sát việc giám hộ của bà H. Án sơ thẩm, không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy bỏ tư cách giám sát việc giám hộ của bà H mà lại tuyên bố bà H là người giám sát người giám hộ cho ông T1 là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, ông Đ yêu cầu đưa thêm bà Linh làm người giám sát việc giám hộ. Tuy nhiên, việc yêu cầu đưa bà Linh vào làm người giám sát việc giám hộ thì bà L và bà H không phản đối và bà Linh cũng đồng ý. Như vậy, người giám hộ, người giám sát và người được cử giám sát không có tranh chấp nên không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Như vậy, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng, Tòa án nhân dân quận Tân Phú giải quyết là không đúng thẩm quyền là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm, hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc tuyên bố bà Đặng Thị Mỹ H và bà Đặng Thị Mỹ L1 là người giám sát người giám hộ cho ông Đặng Minh T1 và đình chỉ xét xử với yêu cầu này của ông nguyên đơn ông Đ.

[12] Nguyên đơn ông Đặng Văn Đ khởi kiện bị đơn bà Đặng Thị Mỹ H yêu cầu buộc bà H trả lại số tiền 8.510.000.000 đồng cho ông T1 thông qua người giám hộ. Như vậy, bà Đặng Thị Mỹ H là bị đơn bị ông Đặng Văn Đ là nguyên đơn khởi kiện nên tư cách của bà Đặng Thị Mỹ H trong vụ án này là bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo cho rằng, bà Đặng Thị Mỹ H không phải là bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự ông Đ; bà H ủy quyền cho ông Tuyên, ông Huy đại diện và bà L ủy quyền cho ông Hoài đại diện thống nhất các bên thỏa thuận khi bán căn nhà 98 TN, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Đặng Minh T1 thì giao số tiền cho bà H quản lý và thống nhất số tiền bán nhà 98 Thống nhất của ông T1 còn lại là 8.180.000.000 đồng. Người đại diện của bà H và người đại diện của bà L cùng xác nhận sau khi nhận đủ tiền bán nhà thì bà H đã giao lại toàn bộ tiền bán căn nhà cho bà L; việc bà H

giao toàn bộ số tiền cho bà L thì bà H không có báo cho ông Đ biết. Ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền bán nhà hiện còn lại là 8.180.000.000 đồng thông quan hai người giám hộ là ông và bà L. Ông không đồng ý để bà L giao số tiền nêu trên cho ông T1 thông qua ông Đ và bà L. Bà H là người nhận và quản lý số tiền bán nhà nên phải có nghĩa vụ.

[14] Xét, việc các bên thỏa thuận giao số tiền bán nhà của ông T1 giao cho bà H giữ, quản lý và định đoạt là không đúng quy định của pháp luật, vì tài sản số tiền bán nhà là của ông T1 (người được giám hộ). Ông Đ và bà L (là người giám hộ) là người quản lý tài sản của người được giám hộ ông T1 theo điểm c khoản 1 Điều 57 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Người giám hộ của người mất năng lực hành vi dân sự có nghĩa vụ "Quản lý tài sản của người được giám hộ". Tuy nhiên, ông Đ và bà L giao số tiền bán nhà cho bà H là người giám sát việc giám hộ được quyền quản lý, định đoạt tài sản là số tiền bán nhà của ông T1 là không đúng theo điểm a khoản 4 Điều 51 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Người giám sát việc giám hộ có quyền "Theo dõi, kiểm tra người giám hộ trong thực hiện việc giám hộ". Như vậy, ông Đ và bà H (là người giám hộ) thỏa thuận giao cho bà H (là người giám sát) được quyền quản lý, định đoạt tài sản số tiền của ông T1 (người được giám hộ) là không đúng quy định của pháp luật.

[15] Như đã nhận định trên, việc thỏa thuận của các đương sự là không đúng quy định của pháp luật nên các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Bà H là người nhận tiền bán nhà của ông T1 nên bà H có nghĩa vụ trả lại tiền bán nhà cho ông T1 thông qua hai người giám hộ là ông Đ và bà L. Do đó, bà H kháng cáo không đồng ý trả lại cho ông T1 số tiền 8.100.000.000 đồng mà bà L phải trả cho ông T1 thông qua người giám hộ của ông T1 khoản tiền trên là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[16] Bà L cho rằng, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chạy chữa bệnh cho ông T1. Còn ông Đ không có trách nhiệm, không quan tâm đến người được giám hộ, trước đây ông Đ cờ bạc và hiện nay ông Đ có gia đình khác. Tuy nhiên, bà L không xuất trình chứng cứ chứng minh ông Đ không đủ điều kiện làm người giám hộ như vi phạm tư cách đạo đức, vi phạm về các hành vi cố ý xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác. Do đó, bà L kháng cáo yêu cầu truất quyền giám hộ của ông Đ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[17] Bị đơn bà H là người giám sát giao lại tiền bán nhà của ông T1 cho bà L nhưng không báo ông Đ biết và ông Đ không đồng ý việc bà H giao tiền của ông T1 cho cá nhân bà L. Bà L xác nhận đã nhận số tiền do bà H giao, nên bà H phản tố yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả lại số tiền cho bà H là có căn cứ. Do đó, bà L không đồng ý trả lại số tiền cho bà H là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[18] Án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H phải trả cho ông T1 số tiền 8.100.000.000 đồng thông qua người giám hộ là ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị L. Đồng thời, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Mỹ H. Buộc bà L phải trả cho bà H số tiền 8.100.000.000 đồng, là có căn cứ. Tuy nhiên, bà Đặng Thị Mỹ H là bị đơn có yêu cầu phản tố nhưng án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không chính xác. Đồng thời, án sơ thẩm tuyên trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực là không cần thiết và không đúng vì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, trường hợp cần thiết thì phải cưỡng chế thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại là chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Mỹ H cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[19] Vụ án này, các chủ thể ông Đặng Văn Đ là nguyên đơn khởi kiện bà Đặng Thị Mỹ H là bị đơn yêu cầu bà Đặng Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả số tiền cho ông Đặng Minh T1 (người được giám hộ) thông qua người hai giám hộ là ông Đ và bà L. Bị đơn bà Đặng Thị Mỹ H phản tố yêu cầu bà Phạm Thị L trả lại số tiền bà H đã giao cho bà L. Mặc dù, bà H và bà L xác nhận số tiền bán nhà của ông T1 thì bà H đã giao; bà L đã nhận và hiện nay bà L đã là người đang giữ và quản lý số tiền. Tuy nhiên, ông Đ không đồng ý việc bà H giao số tiền bán nhà cho bà L, đồng thời, ông Đ cũng không yêu cầu bà L. Do đó, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị buộc bà L có trách nhiệm cùng ông Đ quản lý tài sản số tiền 8.180.000.000 đồng là không có căn cứ.

[20] Án phí dân sự sơ thẩm, đây là vụ án đòi quyền tài sản cho người được giám hộ, ông Đ và bà L là người giám hộ và bà H là người giám sát việc giám hộ. Tất cả các yêu cầu của các đương sự trong vụ án là để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 (người được giám hộ) nên thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án sơ thẩm, buộc các đương sự phải chịu án phí là không đúng quy định. Do đó, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị chấp nhận kháng

nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của bà H và bà L về phần án phí sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[21] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận yêu yêu cầu kháng cáo của bà H; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa án sơ thẩm. Buộc bà L có trách nhiệm cùng ông Đ quản lý tài sản của ông T1 là số tiền 8.180.000.000 đồng.

Như đã nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[22] Án phí dân sự phúc thẩm: Như đã nhận định trên, các đương sự không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 311; khoản 1 Điều 148 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 47; Điều 49; Điều 51; Điều 52; Điều 53; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 166; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 77 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 11 Chương I Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Mỹ H và của bà Phạm Thị L.

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc tuyên bố bà Đặng Thị Mỹ H và bà Đặng Thị Mỹ L1 là người giám sát người giám hộ cho ông Đặng Minh T1 và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đặng Văn Đ về việc yêu cầu tuyên bố bà Đặng Thị Mỹ H và bà Đặng Thị Mỹ L1 là người giám sát người giám hộ cho ông Đặng Minh T1.

4. Sửa bản án án dân sự sơ thẩm số 407/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Đ.

4.1.1. Đình chỉ yêu cầu đòi số tiền 330.000.000đ (ba trăm ba mươi triệu đồng) do ông Đặng Văn Đ rút yêu cầu đối với bà Đặng Thị Mỹ H.

4.1.2. Buộc bà Đặng Thị Mỹ H phải trả cho ông Đặng Minh T1 số tiền 8.180.000.000đ (tám tỷ một trăm tám mươi triệu đồng) thông qua người giám hộ là ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị L.

4.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Mỹ H.

4.2.1. Đình chỉ yêu cầu đòi số tiền 330.000.000đ (ba trăm ba mươi triệu đồng) do bà Đặng Thị Mỹ H rút yêu cầu đối với bà Phạm Thị L.

4.2.2. Buộc bà Phạm Thị L phải trả cho bà Đặng Thị Mỹ H số tiền 8.180.000.000đ (tám tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

4.3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị L về việc yêu cầu hủy bỏ tư cách người giám hộ của ông Đặng Văn Đ đối với con ông Đặng Minh T1.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn Đ, bà Đặng Thị Mỹ H và bà Phạm Thị L không phải chịu án phí sơ thẩm.

5.1. Hoàn trả cho ông Đặng Văn Đ số tiền 58.450.000đ (năm mươi tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011531 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Hoàn trả cho bà Đặng Thị Mỹ H số tiền 58.255.000đ (năm mươi tám triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0070866 ngày 14/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0070812 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị Mỹ H và bà Phạm Thị L không phải chịu.

6.1. Hoàn trả cho bà Đặng Thị Mỹ H số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0071183 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.2. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0071184 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- TAND quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường